

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/DS-ST
Ngày 05-8-2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng thuê xe

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Mai Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Nhân.

2. Bà Nguyễn Thị Hằng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thu Quỳnh – Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:*
Ông Nguyễn Mạnh Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 05-8-2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2021/TLST-DS ngày 13/5/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản” theo Quyết định đưa vụ 02/2021/QĐXXST-DS ngày 19/7/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: - Anh Hoàng Công Th, sinh năm 1981. “Có mặt”

Trú tại: Tổ dân phố H, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

- Chị Nguyễn Châu G, sinh năm 1987. “Có mặt”

Trú tại: Tổ 14, phường Ng, thành phố Y, tỉnh Yên Bái

Bị đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1981

Trú tại: Thôn Y, xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái.

“Có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/4/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Anh Hoàng Công Th và anh Phạm Văn H có ký kết hợp đồng thuê xe vào ngày 30/4/2020, tài sản cho thuê là 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, loại INNOVA, biển kiểm soát 21A.....47, thời gian thuê xe là 05 ngày từ 18 giờ ngày 30/4/2020 đến 18 giờ ngày 05/5/2020, giá thuê là 800.000

đồng/ ngày, tình trạng bàn giao xe là xe đầy xăng, xe nguyên vẹn, không móp méo, trang thiết bị, máy móc xe hoạt động bình thường. Anh Th đã bàn giao xe cho anh H tại số nhà 376 Đại lộ Ng, thành phố Y, tỉnh Yên Bái, kèm theo xe là 01 bảo hiểm dân sự, giấy đăng ký và đăng kiểm xe ô tô (có chứng thực), chìa khóa xe. Hết thời hạn thuê xe theo hợp đồng anh H không trả xe theo thỏa thuận và có gọi điện cho anh Th nói cho thuê thêm mấy ngày, anh Th đồng ý. Anh H đã trả cho anh Th tổng cộng số tiền là 33.500.000 đồng (*Ba mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng*) là tiền thuê xe từ ngày 30/4/2020 đến hết ngày 12/6/2020. Gia đình anh Th đã nhiều lần yêu cầu anh H mang xe ô tô về trả nhưng anh H nói cho người khác mượn và đã bị cầm cố không còn. Anh Th và chị G đã làm đơn tố cáo anh H về hành vi chiếm đoạt tài sản là chiếc xe ô tô đến Công an thành phố Y, đến ngày 30/9/2020 Công an thành phố Y có văn bản trả lời là giao dịch dân sự và việc truy tìm chiếc xe không có kết quả.

Nay anh Th, chị G yêu cầu anh Phạm Văn H phải trả cho anh chị giá trị của chiếc xe ô tô là 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*) và tiền thu nhập bị mất do không có xe để hoạt động là 12.000.000 đồng/tháng tương đương 400.000 đồng/ngày tính từ ngày 13/6/2020 đến ngày hôm nay (05/8/2021) là 13 tháng 22 ngày là 164.800.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 25/6/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Văn H trình bày: Anh H xác nhận có thuê xe 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, loại INNOVA, biển kiểm soát 21A.035.47, thời gian thuê xe là 05 ngày từ 18 giờ ngày 30/4/2020 đến 18 giờ ngày 05/5/2020, giá thuê là 800.000 đồng/ngày của vợ chồng anh Hoàng Công Th, chị Nguyễn Châu G là đúng. Hết thời hạn thuê ở trên do bận công việc nên anh H chưa mang xe về trả cho anh Th được và có gọi điện cho anh Th tiếp tục thuê xe và anh Th đã đồng ý. Anh H cũng công nhận đã trả cho anh Th, chị G số tiền thuê xe cả tiền mặt và chuyển khoản là 33.500.000 đồng (là tiền thuê xe từ 30/4/2020 đến hết ngày 12/6/2020). Trong quá trình thuê xe của anh Th, chị G vào ngày 06/5/2020, tại huyện Ph, tỉnh Sơn La anh H đã tự ý cho anh Nguyễn Công Th1 (là người quen) có hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ mượn xe (không có văn bản thỏa thuận). Ngày 07/5/2020 anh H có gọi điện cho anh Th1 mang xe về để trả nhưng anh Th1 nói đã cầm xe ở bên M, Sơn La và chưa có tiền chuộc. Anh H đã trình báo Công an huyện Ph, Công an M của tỉnh Sơn La về việc tìm chiếc xe bị mất nhưng không có kết quả.

Anh H xác nhận do tự ý cho anh Th1 mượn xe nên hiện nay chiếc xe ô tô thuê của anh Th, chị G đã bị mất, không còn khả năng tìm lại và không trả lại được xe ô tô đã thuê cho anh Th, chị G. Nay anh Th, chị G yêu cầu trả toàn bộ giá trị chiếc xe là 250.000.000 đồng và tiền thu nhập anh chị bị mất do không có xe để hoạt động từ ngày 13/6/2020 đến nay mỗi tháng 12.000.000 đồng, anh H không đồng ý vì cho rằng anh cũng là bị hại, khi nào bên mượn xe của anh trả tiền cho anh thì anh sẽ trả cho gia đình anh Th, còn anh H chỉ trả $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe là 125.000.000 đồng.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo đúng quy định của tố tụng dân sự. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng đủ người tham gia tố tụng. Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng vào các Điều 26, 35, 39, 147, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 357, 468, 472, 473, 474, 479, 480, 481, 482 của Bộ luật dân sự. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc anh Phạm Văn H phải bồi thường thiệt hại về việc mất tài sản thuê là chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, loại INNOVA với giá 250.000.000 đồng và tiền thu nhập bị mất khi không có xe kinh doanh là 12.000.000 đồng/tháng tính từ ngày 13/6/2020 đến ngày 05/8/2021 là 13 tháng 22 ngày = 164.800.000 đồng. Tổng số tiền anh H phải trả là 414.800.000 đồng.

- Án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện T nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn anh Hoàng Công Th và chị Nguyễn Châu G có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp về hợp đồng thuê tài sản (hợp đồng thuê xe)”. Bị đơn anh Phạm Văn H hiện đang cư trú tại thôn Y, xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- Hợp đồng thuê xe giữa anh Th và anh H là sự thỏa thuận bằng Hợp đồng cho thuê xe có đầy đủ chữ kí của các bên, nội dung thể hiện anh Phạm Văn H thuê của anh Hoàng Công Th 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, loại INNOVA, biển kiểm soát 21A.035.47, thời gian thuê xe là 05 ngày từ 18 giờ ngày 30/4/2020 đến 18 giờ ngày 05/5/2020, giá thuê là 800.000 đồng/ngày. Sau đó, hai bên có thỏa thuận miệng với nhau về việc anh H tiếp tục thuê xe, số tiền thuê xe anh H đã trả cho anh Th từ ngày 30/4/2020 đến hết ngày 12/6/2020 là 33.500.000 đồng. Tuy nhiên, hết thời hạn trong hợp đồng và thỏa thuận miệng từ này 13/6/2020 đến nay anh Phạm Văn H không mang xe về trả cho anh Th. Anh Th, chị G khởi kiện yêu cầu anh H phải trả xe cho anh chị. Do anh H xác nhận chiếc xe không còn và không trả lại được tài sản thuê, anh Th, chị G yêu cầu anh H phải trả cho anh chị giá trị của chiếc xe là 250.000.000 đồng và tiền thu nhập bị mất do không có xe để hoạt động, thời gian từ ngày 13/6/2020 đến nay. Theo thỏa thuận trong hợp đồng số tiền bồi thường cho những ngày xe ngừng hoạt động là 600.000 đồng/ngày, anh Th, chị G yêu cầu

số tiền bồi thường cho những ngày xe ngừng hoạt động là 400.000 đồng/ ngày. Mỗi tháng thu nhập bị mất là $30 \times 400.000 \text{ đồng} = 12.000.000 \text{ đồng}$ (*Mười hai triệu đồng*)/ tháng.

Xét thấy Hợp đồng cho thuê xe ô tô được xác lập giữa anh Hoàng Công Th và anh Phạm Văn H là Hợp đồng thuê tài sản. Các thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với quy định tại các Điều 117, 118, 119, 472, 473, 474 của Bộ luật Dân sự.

Xét yêu cầu buộc anh H phải trả tài sản thuê là chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, loại INNOVA, biển kiểm soát 21A.035.47 của gia đình anh Th. Hội đồng xét xử xét thấy anh Hoàng Công Th đã cung cấp tài liệu là hợp đồng thuê xe như đã nêu trên và các tài liệu, chứng cứ liên quan hợp đồng thuê xe để chứng minh cho yêu cầu của anh là có căn cứ, hợp pháp và được anh Phạm Văn H thừa nhận đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nay anh H không có khả năng trả tài sản thuê là chiếc xe ô tô, anh Th, chị G yêu cầu anh H không trả được tài sản thuê thì trả bằng tiền trị giá tương đương. Anh H và gia đình anh Th thống nhất trị giá xe là 250.000.000 đồng, anh H chỉ nhất trí trả $\frac{1}{2}$ trị giá xe là 125.000.000 đồng với lý do anh cũng là người bị hại. Hội đồng xét xử xét thấy anh H vi phạm khoản 4.2 Điều 4 của Hợp đồng thuê xe được ký kết giữa anh H và anh Th “...*Bên B không sử dụng xe thuê để cầm cố, cho thuê lại hoặc giao cho người khác sử dụng dưới bất kỳ hình thức nào*”. Như vậy, lỗi hoàn toàn do anh Phạm Văn H. Anh Phạm Văn H đã vi phạm nghĩa vụ trả tài sản thuê theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu bồi thường khoản tiền thuê xe do anh Phạm Văn H không trả xe bị thiệt hại trong thời gian không có xe để hoạt động là 12.000.000 đồng/tháng (400.000 đồng/ngày) thời gian từ 13/6/2020 đến 05/8/2021: Hội đồng xét xử xét thấy: anh Phạm Văn H đã vi phạm mục 4.2 tại Điều 4 của Hợp đồng thuê xe về trách nhiệm của mỗi bên. Mục 4.2 Điều 4 có ghi: “...*Trong trường hợp để xảy ra va chạm hoặc tai nạn hư hỏng xe, bên B không được tự ý thay thế, sửa chữa khi chưa được sự đồng ý của bên A, bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về hậu quả do mình gây ra và chịu mọi chi phí sửa chữa theo giá trị thị trường căn cứ theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, đồng thời phải bồi thường cho việc giảm giá trị của xe và bồi thường trong những ngày xe ngừng hoạt động là 600.000 đồng/ngày.*” Nguyên đơn anh Th và chị G yêu cầu anh H bồi thường trong những ngày xe ngừng hoạt động là 12.000.000 đồng/ tháng = 400.000 đồng/ngày, thời gian từ 13/6/2020 đến 05/8/2021 là 13 tháng 22 ngày với tổng số tiền là 164.800.000 đồng phù hợp quy định tại Điều 481 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải bồi thường tổng số tiền là 414.800.000 đồng.

Đối với chiếc xe máy biển kiểm soát 21T2-7802 có ghi trong hợp đồng, nhưng anh Th, chị G và anh H đều xác định đây không phải là tài sản bảo đảm mà

chỉ là để lại để làm tin, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn anh H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 235, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 357, 468, 472, 473, 474, 479, 481, 482 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hoàng Công Th và chị Nguyễn Châu G.

2. Buộc anh Phạm Văn H phải trả cho anh Th, chị G giá trị của chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, loại INNOVA, biển kiểm soát 21A.035.47 số tiền là 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*) và tiền bồi thường thu nhập bị mất do không có xe để hoạt động từ ngày 13/6/2020 đến ngày 05/8/2021 là 164.800.000.000 đồng (*Một trăm sáu mươi tư triệu tám trăm nghìn đồng*). Tổng cộng 414.800.000 đồng (*Bốn trăm mười bốn triệu tám trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa trả hoặc không trả hết số tiền kể trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Phạm Văn H phải chịu 20.592.000 đồng (*Hai mươi triệu năm trăm chín mươi hai nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Hoàng Công Th và chị Nguyễn Châu G không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại 9.250.000 đồng (*Chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp, biên lai thu số AA/2017/0008733 ngày 10/5/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS h. T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; HCTP.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Mai Hằng